**DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ**

(*Đính kèm Thông báo yêu cầu báo giá số 1186/TB-HHTM ngày 18 tháng 11 năm 2023)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Danh Mục** | **Mô tả yêu cầu về tính năng , thông số kỹ thuật và các thông tin liên qua về kỹ thuật** | **Số lượng, khối lượng** | **Đơn vị tính** |
| **GÓI SỐ 1: CÁC HÓA CHẤT CẦN CHO XÉT NGHIỆM CỦA BỆNH NHÂN** | | | | |
| **I. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG (nhà thầu lắp đặt máy khi trúng thầu)** | | | | |
| 1 | Que thử nước tiểu 11 thông số | Que chạy máy nước tiểu 11 thông số xét nghiệm các chất bất thường trong nước tiểu. Hoặc tương đương. | 4.000 | Que |
| **II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN DI HEMOGLOBIN tương thích cho máy MINICAP SEBIA FLEX PIERCING (của bệnh viện)** | | | | |
| 1 | Hóa chất điện di Hemoglobin | \_Bộ hóa chất phân tách các hemoglobin bình thường (A, A2 và F) ở các mẫu máu người và phát hiện các biến thể hemoglobin chính (S, C, E và D) thông qua công nghệ điện di mao quản trong dung dịch đệm kiềm (pH 9,4) trên hệ thống 2 đầu di \_Không nhiễu với triglycerid ≤15.57 g/dL, bilirubin ≤ 27.7 mg/dL, hay 473 μmol/L.  Hoặc tương đương. | 12.000 | ml |
| 2 | Hóa chất kiểm chuẩn HbA2 bình thường | \_Chất kiểm chuẩn Hb A2 bình thường để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 và để đối chứng sự di chuyển của huyết sắc tố trong quy trình điện di  Hoặc tương đương. | 40 | ml |
| 3 | Dung dịch khử khuẩn | \_Dung dịch cất giữ nước cất hoặc nước khử ion dùng để súc rửa mao quản trong hệ thống tự động điện di mao quản. \_Gồm: 1 lọ x 5 ml  Hoặc tương đương. | 25 | ml |
| 4 | Dung dịch rửa kim | \_Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự động điện di mao quản 2 đầu di. \_ Gồm: 1 lọ 25 mL  Hoặc tương đương. | 150 | ml |
| 5 | Hóa chất điện di Protein | \_Bộ hóa chất phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiềm (pH 9.9) bằng phương pháp điện di mao quản 2 đầu di \_Protein huyết thanh thông thường sẽ tách thành 6 phần chính.  Hoặc tương đương. | 3.150 | ml |
| 6 | Hóa chất kiểm chuẩn điện di Protein mức bình thường | \_Huyết thanh kiểm chuẩn bình thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và apolopoprotein trong huyết thanh người bằng quy trình điện di  Hoặc tương đương. | 20 | ml |
| **III. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM FLOWCYTOMETRY 8 MÀU tương thích cho máy FACSCantoTM II (của bệnh viện)** | | | | |
| 1 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD4 đánh dấu màu huỳnh quang PE-Cy7 | - CD4 clone SK3, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu PE-Cy™7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 2 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD45 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD45 clone 2D1, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 3 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD138 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD138 clone MI15, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 4 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD36 đánh dấu màu huỳnh quang V450 | - CD36 clone CB38, kháng thể IgM, κappar, gắn màu V450 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 5 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD23 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD23 clone EBVCS-5, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu APC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 6 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD25 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD25 clone 2A3, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu APC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 7 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD79b đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD79b clone SN8, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu FITC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 8 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD11c đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD11c clone SHCL-3, kháng thể mouse IgG2b, kappa, gắn màu APC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 9 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD10 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD10 clone HI10a, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 600 | Test |
| 10 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Anti-lambda đánh dấu màu huỳnh quang PE | - Anti-Lambda clone 1-155-2, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, λ, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 11 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD71 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD71 clone L01.1, kháng thể mouse BALB/c, IgG2a, kappa, gắn màu FITC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 12 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD59 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD59 clone p282 (H19), kháng thể Mouse BALB/c, IgG2a, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 13 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD15 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD15 clone MMA, kháng thể mouse BALB/c, IgM, kappa, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 14 | Dung dịch tạo dòng chảy của hệ thống tế bào dòng chảy | - Dung dịch đệm chạy máy trên thiết bị phân tích dòng chảy tế bào. - Thành phần gồm: Sodium Fluoride (NaF)  Hoặc tương đương. | 340 | Lít |
| 15 | Dung dịch làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích khi tiếp xúc với mẫu | Sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích khi tiếp xúc với mẫu.  Thành phần gồm: hypochlorous acid, sodium salt (1:1), sodium hydorxide (NaOH).  Hoặc tương đương. | 90 | Lít |
| 16 | Hóa chất xét nghiệm cố định và gây thấm màng tế bào cho quá trình nhuộm các kháng nguyên nội bào. | - Chất thử dùng để cố định và gây thấm màng tế bào cho quá trình nhuộm các kháng nguyên nội bào. Có thể sử dụng với mẫu máu ngoại vi hoặc tủy xương. - Thành phần gồm 5 mL thuốc thử A (≤1% formaldehyde) và 2.5 mL thuốc thử B (chứa chất tẩy rửa)  Hoặc tương đương. | 500 | Test |
| 17 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD8 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD8 clone SK1, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 18 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Igλ đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - Anti-Lambda clone 1-155-2, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, λ, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 250 | Test |
| 19 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD38 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD38 clone HB-7, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 20 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD56 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD56 clone MY31, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 21 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Igκ đánh dấu màu huỳnh quang PE | - Anti-Kappa clone TB 28-2, kháng thể Mouse BC57b x BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 250 | Test |
| 22 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD34 đánh dấu màu huỳnh quang PerCP | - CD34 clone 8G12, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu PerCP-Cy™5.5 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 1.000 | Test |
| 23 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD5 đánh dấu màu huỳnh quang PerCP | - CD5 clone L17F12, kháng thể Mouse BALB/c, IgG2a, κappa, gắn màu PerCP-Cy5.5. - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 24 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD3 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD3 clone SK7, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappa, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 25 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD14 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD14 clone MɸP9, kháng thể Mouse BALB/c, IgG2b, κappa, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 26 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD33 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD33 clone P67.6, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappa, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 400 | Test |
| 27 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD3 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD3 clone SK7, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 28 | Chất chuẩn kiểm soát chất lượng các đặc tính, theo dõi và báo cáo hiệu năng của các thiết bị | - Chất chuẩn được sử dụng để thiết lập máy phân tích dòng chảy tế bào, để thực hiện kiểm tra chất lượng hàng ngày (QC) và dùng để cài đặt chương trình cho dung dịch kiềm / rửa (LW). - Cho phép phần mềm tự động xác định đặc điểm, theo dõi và báo cáo các phép đo của máy đo tế bào. Các thuật toán tự động trong phần mềm xác định đường cơ sở của máy đo tế bào. Sau khi giá trị mục tiêu cường độ huỳnh quang trung bình (MFI) cơ bản được xác định, các hạt được sử dụng để chạy kiểm tra hiệu suất hàng ngày. - Thành phần: hạt bead trong PBS với BSA và 0,1% sodium azide, bảo quản 2°C–8°C, tránh ánh sáng trực tiếp  Hoặc tương đương. | 250 | Test |
| 29 | Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy | - Dung dịch dùng để ly giải tế bào hồng cầu sau khi nhuộm huỳnh quang trực tiếp tế bào máu ngoại vi của người với các kháng thể đơn dòng. - Dung dịch ly giải có nồng độ 10X được cung cấp dưới dạng 100 ml dung dịch chứa 25 – <50% 2,2´-oxybisethanol (diethylene glycol), 5 – <10% formaldehyde và 3 – <5% methanol.  Hoặc tương đương. | 1.500 | ml |
| 30 | Chất chuẩn cài đặt bù trừ quang phổ cho các xét nghiệm đếm số lượng tuyệt đối của tế bào | - Hạt bead cài đặt 7 màu được sử dụng để điều chỉnh tín hiệu điện thế, thiết lập bù trừ quang phổ huỳnh quang và theo dõi hiệu suất vận hành hệ thống hàng ngày trên hệ thống tế bào dòng chảy. - Thành phần bao gồm: + Một bộ chứa 25 ống, mỗi ống chứa một viên đông khô bao gồm các hạt cần pha loãng ngay trước khi chạy cài đặt trên hệ thống.  + Một chai dung dịch đệm 40 ml chứa 0,1% sodium azide dể hòa tan các ống khi sử dụng. - Thiết lập cytometer được thực hiện cho hai kênh tán xạ và 7 màu huỳnh quang: Kênh dò ánh sáng tán xạ thẳng (FSC), Kênh dò ánh sáng tán xạ bên (SSC), FITC, PE, PerCP-Cy5.5, PerCP, PE-Cy7, APC, APC-Cy7.  Hoặc tương đương. | 100 | Test |
| 31 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD20 đánh dấu màu huỳnh quang V450 | - CD20 clone L27, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappar, gắn màu V450 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 32 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD13 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD13 clone L138, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 33 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD19 đánh dấu màu huỳnh quang PE-Cy7 | - CD19 clone SJ25C1, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappa, gắn màu PE-Cy7. - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 700 | Test |
| 34 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD2 đánh dấu màu huỳnh quang PE-Cy7 | - CD2 clone L303.1, kháng thể mouse BALB/c , IgG2a , kappa, gắn màu PE-Cy7  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 35 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD117 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD117 clone 104D2, kháng thể mouse BALB/c , IgG1, kappa gắn màu APC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 36 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD11b đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD11b clone D12, kháng thể mouse BALB/c, IgG2a, kappa, gắn màu APC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 37 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD45 đánh dấu màu huỳnh quang V500C | - CD45 clone 2D1, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu V500-C - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 1.400 | Test |
| 38 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên anti-TdT đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - Anti-TdT clone E17-1519, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 39 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD41a đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD41a clone HIP8, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu FITC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 40 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD25 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD25 clone 2A3, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, kappa, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 41 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD45 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD45 clone 2D1, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 42 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên HLA-DR đánh dấu màu huỳnh quang V450 | - Anti-HLA-DR clone L243, kháng thể Mouse BALB/c IgG2a, κappar, gắn màu V450 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 800 | Test |
| 43 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Anti-MPO đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - MPO clone 5B8, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 44 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD16 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD16 clone NKP15, kháng thể mouse BALB/c , IgG1, kappa, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 45 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD103 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD103 clone Ber-ACT8, IgG1, kappa, gắn màu FITC  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 46 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD79a đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD79a clone HM47, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu PE  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 47 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD10 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD10 clone HI10a, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 48 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD4 đánh dấu màu huỳnh quang PerCP | - CD4 clone SK3, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu PerCP-Cy™5.5b  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 49 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD8 đánh dấu màu huỳnh quang PerCP | - CD8 clone SK1, kháng thể Mouse BALB/c IgG1, κappa, gắn màu PerCP. - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 50 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Anti- TCRγ/δ-1 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - Anti-TCR-γ/δ clone 11F2, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 51 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Igκ đánh dấu màu huỳnh quang APC | - Anti-Kappa clone TB28-2, kháng thể Mouse BC57b x BALB/c, IgG1, κappa, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 52 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD14 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD14 clone MφP9, kháng thể Mouse BALB/c, IgG2b, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 53 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD19 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD19 clone SJ25C1, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 54 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD117 đánh dấu màu huỳnh quang PE-Cy7 | - CD117 clone 104D2, kháng thể mouse BALB/c, IgG1, kappa, gắn màu PE-Cy7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 400 | Test |
| 55 | Hóa chất xét nghiệm xác định kiểu hình miễn dịch của các quần thể tế bào lympho dòng T, B và NK bình thường và bất thường | - Thuốc thử được thiết kế để định kiểu hình miễn dịch của các quần thể tế bào lympho trưởng thành bình thường và không bình thường của các dòng B, T và NK trong máu ngoại vi, tủy xương và các hạch bạch huyết, như một trợ giúp trong việc chẩn đoán các rối loạn huyết học bằng kĩ thuật tế bào dòng chảy. - Thành phần thuốc thử bao gồm: Anti-Lambda FITC, CD8 FITC, CD56 PE, Anti-Kappa PE, CD5 PerCP-Cy5.5, CD19 PE-Cy7, Anti-TCRγ/δ PE-Cy7, CD3 APC, CD38 APC-H7, CD4 V450, CD20 V450, CD45 V500-C.  Hoặc tương đương. | 20 | Test |
| 56 | Hóa chất xét nghiệm phân tích kiểu hình miễn dịch chuyên sâu của các quần thể plasmocyte bình thường và bất thường | - Thuốc thử được sử dụng song song với ống sàng lọc tương bào để phân tích kiểu hình miễn dịch các quần thể plasma bình thường và bất thường trong tủy xương nhằm chẩn đoán bệnh đa u tủy và các bệnh liên quan đến plasma khác trong mẫu dịch tủy xương bằng kĩ thuật tế bào dòng chảy. - Thành phần bao gồm các ống sử dụng một lần có chứa các kháng thể gắn fluorochrome sau đây ở dạng khô được tối ưu hóa: + Kháng thể CD38 clone HB7, gắn màu FITC + Kháng thể CD28 clone L293, gắn màu PE + Kháng thể CD27 clone L128, gắn màu PerCP-Cy5.5 + Kháng thể CD19 clone SJ25-C1, gắn màu PE-Cy7 + Kháng thể CD117 clone 104D2, gắn màu APC + Kháng thể CD81 clone JS81, gắn màu APC-H7 + Kháng thể CD45 clone 2D1 (anti-HLe-1), gắn màu V450 + Kháng thể CD138 clone MI15, gắn màu V500-C  Hoặc tương đương. | 80 | Test |
| 57 | Hóa chất xét nghiệm xác định kiểu hình miễn dịch các quần thể plasmocyte bình thường và bất thường | - Thuốc thử sử dụng phân tích kiểu hình miễn dịch các quần thể plasma bình thường và bất thường trong tủy xương hỗ trợ chẩn đoán các bệnh về máu trong các mẫu dịch tủy xương bằng kĩ thuật tế bào dòng chảy. - Thành phần thuốc thử bao gồm hai ống chứa các kháng thể liên hợp huỳnh quang được tối ưu ở dạng khô, OneFlow PCST (S) chứa các kháng thể nhận biết các dấu hiệu trên bề mặt tế bào, và OneFlow PCST (C) chứa các kháng thể nhận ra Igκ và Igλ trong tế bào chất của tế bào sau khi cố định và tạo tính thấm cho chúng. Ống S chứa các kháng thể: + Kháng thể CD38 clone HB7, gắn màu FITC + Kháng thể CD56 clone MY31 (Leu-19), gắn màu PE + Kháng thể β2-Microglobulin clone TÜ99, gắn màu PerCP-Cy5.5 + Kháng thể CD19 clone SJ25-C1, gắn màu PE-Cy7 + Kháng thể CD45 clone 2D1 (anti-HLe-1), gắn màu V450 + Kháng thể CD138 clone MI15, gắn màu V500-C Ống C chứa các kháng thể: + Kháng thể Anti-Kappa clone TB28-2, gắn màu APC + Kháng thể Anti-Lambda clone 1-155-2, gắn màu APC-H7  Hoặc tương đương. | 80 | Test |
| 58 | Hóa chất xét nghiệm định hướng dòng của các quần thể tế bào trong bệnh lý bạch cầu cấp | - Thuốc thử để xác định kiểu hình miễn dịch của các quần thể chưa trưởng thành bất thường của các tế bào tạo máu (dòng lympho và không phải lympho) trong tủy xương và máu ngoại vi để hỗ trợ chẩn đoán bệnh bạch cầu nguyên bào lympho cấp tính và bệnh bạch cầu cấp tính không lympho bằng kĩ thuật tế bào dòng chảy. - Thành phần bao gồm hai ống chứa các kháng thể liên hợp với fluorochrome trong một công thức đã được làm khô tối ưu. Ống OneFlow ™ ALOT S chứa các kháng thể nhận biết các điểm đánh dấu trên bề mặt tế bào và ống OneFlow ™ ALOT C chứa các kháng thể nhận biết các kháng nguyên trong tế bào chất của tế bào sau khi cố định và thẩm thấu chúng. Ống C chứa các kháng thể: + Kháng thể MPO clone MPO-7, gắn màu FITC + Kháng thể CD79a clone HM57, gắn màu PE + Kháng thể CD3 clone UCHT-1, gắn màu V450 Ống S chứa các kháng thể: + Kháng thể CD34 clone 8G12, gắn màu PerCP-Cy5.5 + Kháng thể CD19 clone SJ25-C1, gắn màu PE-Cy7 + Kháng thể CD7 clone M-T701, gắn màu APC + Kháng thể CD3 clone SK7, gắn màu APC-H7 + Kháng thể CD45 clone 2D1, gắn màu V500-C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 59 | Hóa chất xét nghiệm phân tích kiểu hình miễn dịch chuyên sâu của nhóm tế bào lympho B bất thường | - Thuốc thử được sử dụng để phân tích kiểu hình miễn dịch của các tế bào B trong mẫu máu ngoại vi, dịch tủy xương để hỗ trợ chẩn đoán bệnh bạch cầu cấp Lymphocytic mãn tính bằng kĩ thuật tế bào dòng chảy. - Thành phần thuốc thử bao gồm các ống sử dụng một lần chứa các kháng thể liên hợp với fluorochrome sau đây trong một công thức đã được làm khô tối ưu hóa: + Kháng thể CD23 clone EBVCS-5 (Leu20), gắn màu FITC + Kháng thể CD10 clone HI10a, gắn màu PE + Kháng thể CD79b clone SN8, gắn màu PerCP-Cy5.5 + Kháng thể CD19 clone SJ25-C1, gắn màu PE-Cy7 + Kháng thể CD200 clone MRC OX-104, gắn màu APC + Kháng thể CD43 clone 1G10, gắn màu APC-H7 + Kháng thể CD20 clone L27, gắn màu V450 + Kháng thể CD45 clone 2D1 (anti-HLe-1), gắn màu V500-C  Hoặc tương đương. | 80 | Test |
| 60 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD3 đánh dấu màu huỳnh quang V450 | - CD3 clone UCHT1, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu V450 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 480 | Test |
| 61 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD58 đánh dấu màu huỳnh quang FITC | - CD58 clone 1C3, kháng thể Mouse BALB/c, IgG2a, κappar, gắn màu FITC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 62 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD123 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD123 clone 7G3, kháng thể Mouse IgG2a, κappar, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 63 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD66c đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD66c clone B6.2/CD66, kháng thể Mouse IgG1, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 64 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD99 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD99 clone TÜ12, kháng thể IgG2a, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 65 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD64 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD64 clone 10.1, kháng thể Mouse (BALB/c) IgG1, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 66 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD22 đánh dấu màu huỳnh quang PE | - CD22 clone S-HCL-1, kháng thể mouse, IgG2b, kappa, gắn màu PE  - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 67 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD7 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD7 clone M-T701, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 400 | Test |
| 68 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD1a đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD1a clone HI149, kháng thể Mouse IgG1, κappar, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 69 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên IgM đánh dấu màu huỳnh quang APC | - Anti-Human IgM clone G20-127, kháng thể IgG1, κappar, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 70 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD38 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD38 clone HB7, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 71 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD81 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD81 clone JS-81, kháng thể Mouse, IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| 72 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD10 đánh dấu màu huỳnh quang APC-H7 | - CD10 clone HI10a, kháng thể Mouse BALB/c, IgG1, κappar, gắn màu APC-H7 - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 73 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên Glycophorin đánh dấu màu huỳnh quang PE | - Anti–glycophorin A clone GA-R2 (HIR2), kháng thể Mouse IgG2b, κappar, gắn màu PE - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 300 | Test |
| 74 | Dung dịch rửa làm sạch hệ thống cuối ngày | Dung dịch đệm sử dụng cho quy trình tắt máy phân tích dòng chảy tế bào. Thành phần gồm : ethanol, 2-phenoxyethanol.  Hoặc tương đương. | 100 | Lít |
| 75 | Ống chứa mẫu dùng cho máy đếm tế bào dòng chảy | - Được sử dụng rộng rãi và tham chiếu trong các quy trình phòng thí nghiệm - Nắp chụp 2 vị trí ngăn ngừa thất thoát mẫu và dễ dàng xử lý - Tiệt trùng - Ứng dụng: Trong chẩn đoán - Kích thước: φ12 x 75mm - Thể tích: 5 ml - Vật liệu: PS (polystyrene)  Hoặc tương đương. | 8.000 | Ống |
| 76 | Phễu lọc dịch cho máy đếm tế bào dòng chảy | Phễu lọc dịch.  Hoặc tương đương. | 9 | Cái |
| 77 | Hóa chất xét nghiệm phát hiện các tế bào có biểu hiện kháng nguyên CD55 đánh dấu màu huỳnh quang APC | - CD55 clone IA10, kháng thể Mouse, IgG2a, κappar, gắn màu APC - Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C  Hoặc tương đương. | 200 | Test |
| **GÓI SỐ 2: HÓA CHẤT LẺ VÀ VẬT TƯ Y TẾ LẺ** | | | | |
| 1 | Dầu soi kính hiển vi | Dầu soi kính hiển vi  Hoặc tương đương. | 2000 | ml |
| 2 | Thuốc nhuộm Giemsa | Thuốc nhuộm Giemsa cho xét nghiệm. Hoặc tương đương. | 2.000 | ml |
| 3 | Dung dịch pha loãng hồng cầu | Dung dịch pha loãng hồng cầu chứa dung dịch đệm có cường độ ion thấp | 12.000 | ml |
| 4 | Micropipette dung tích 100-1000µl | Micropipette 1 kênh dung tích 100-1000ul. Hoặc tương đương. | 2 | Cái |
| 5 | Chlorin | Chlorin (Ca(OCl)2 70% dạng bột: Dùng sát trùng nước, khử mùi, xử lý nước.  Hoặc tương đương. | 90 | kg |
| 6 | Cồn 96 độ | Chất lỏng trong không màu dễ bay hơi, hàm lượng ethanol từ 95,1% đến 96,9%.  Hoặc tương đương. | 500 | Lít |
| 7 | Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình dụng cụ y tế | Chất tẩy rửa và khử trùng với khả năng tương thích vật liệu tuyệt vời, không tương kị với chất có chứa aldehyde và peracetic trong quá trình xử lý sau. Cho rửa và khử trùng thủ công dụng cụ chịu nhiệt và không chịu nhiệt. Khử trùng trước khi làm sạch trong vể ngâm và bồn siêu âm với độ an toàn tối ưu cho người sử dụng. | 45 | Lít |
| 8 | Dung dịch tẩy ố, đánh bóng dụng cụ kim loại. | Làm mới các dụng cụ kim loại, loại bỏ các vết protein, vết oxid sắt và các vết oxy hóa khác. Dung dịch trong suốt, dung dịch acid nhẹ, ít bọt có tác dụng tẩy sạch các vết ố bẩn, gỉ sét, mảng bám oxy hóa trên dụng cụ: thép… | 10 | Lít |
| 9 | Viên nén khử trùng | Viên sủi ≥ 2.5g Sodium Dichloroisocyanurate tan nhanh trong nước tạo dung dịch có tác dụng khử khuẩn, diệt vi khuẩn lao, virus, bào tử trên các bề mặt, đồ dùng, dụng cụ thủy tinh và thiết bị…trong bệnh viện  Hoặc tương đương. | 1.000 | Viên |
| 10 | Dung dịch rửa tay phẫu thuật | Chlorhexidine digluconate 4%. Hoặc tương đương. | 10 | Lít |